



fēng chuī cǎo dòng

风吹草动

idiom (chengyu) · sign of trouble; slightest movement

Example Sentence

Dí rén tīng dào fēng chuī cǎo dòng jiù chè tuì le
敌人听到风吹草动就撤退了。

The enemy retreated upon hearing any sign of movement.

Trace each character, then write the word on your own.

风	风	风	风	风	风	风													
吹	吹	吹	吹	吹	吹	吹	吹	吹	吹	吹									
草	草	草	草	草	草	草	草	草	草	草	草								
草																			
动	动	动	动	动	动	动	动	动	动	动									